trong việc xây dựng, củng cố chính quyền địa phương thực sự vững mạnh.

2. Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ có phương án phối hợp lực lượng, bảo đảm an toàn cho cuộc bầu cử trong cả nước.

Bộ Văn hóa - Thông tin và các cơ quan thông tin đại chúng ở Trung ương và địa phương có kế hoạch tuyên truyền cổ động cho cuộc bầu cử.

Bộ Tài chính cấp kinh phí cho cuộc bầu cử theo kế hoạch đã được giao và có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra chặt chẽ việc chi tiêu, bảo đảm tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí.

Bộ Giao thông vận tải bảo đảm điều kiện, phương tiện đi lại phục vụ tốt ngày bầu cử đại biểu Hội đồng Nhân dân các cấp trong mọi tình huống, nhất là đối với miền núi, hải đảo.

Tổng cục Bưu điện chịu trách nhiệm bảo đảm công tác thông tin liên lạc thông suốt, phục vụ tốt cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo bầu cử từ Trung ương đến cơ sở.

Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ chịu trách nhiệm tổ chức tập huấn cho các địa phương, kiểm tra các Bộ, ngành ở Trung ương và Ủy ban Nhân dân các cấp thực hiện cuộc bầu cử theo Luật định và báo cáo tình hình, kết quả lên Thủ tướng Chính phủ.

3. Ủy ban Nhân dân các cấp có trách nhiệm tổ chức thực hiện cuộc bầu cử theo Luật Bầu cử Hội đồng Nhân dân và các văn bản hướng dẫn về cuộc bầu cử của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; đồng thời chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ kinh tế, xã hội khác ở địa phương.

Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức, chỉ đạo cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng Nhân dân các cấp ở địa phương.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận ở Trung ương và địa phương có kế hoạch phối hợp chặt chẽ với các cơ quan Nhà nước cùng cấp trong việc thực hiện các bước công tác của cuộc bầu cử và vận động cử tri đi bỏ phiếu đông đủ.

Nhận được Chỉ thị này yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương tổ chức triển khai thực hiện ngay và thường xuyên báo cáo kết quả với Thủ tướng Chính phủ và Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ từ khi bắt đầu chuẩn bị đến khi kết thúc cuộc bầu cử.

K.T. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng
NGUYỄN KHÁNH

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 411-TTg ngày 9-8-1994 về việc thành lập Trường đại học dân lập Thăng Long.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Nghị định số 15-CP ngày 2-3-1993 về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Công văn số 3769-TCCB ngày 19-6-1994),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. - Cho phép thành lập Trường đại học dân lập Thăng Long trên cơ sở Trung tâm đại học dân lập Thăng Long đã được thành lập theo Quyết định số 1687-KHTV ngày 15-12-1988 của Bộ trưởng Bộ Đại học trung học chuyên nghiệp và dạy nghề (nay là Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Điều 2. - Trường đại học dân lập Thăng Long là cơ sở đào tạo đại học chịu sự quản lý Nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Hệ thống văn bằng của trường đại học dân lập Thăng Long nằm trong hệ thống văn bằng Quốc gia.

Điều 3. - Trường đại học dân lập Thăng Long tổ chức và hoạt động theo luật pháp, theo Quy chế đại học dân lập do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo Điều lệ của Trường do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

Điều 4. - Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Bộ trưởng và Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng
NGUYỄN KHÁNH

CÁC BỘ

BỘ THƯƠNG MẠI

THÔNG TƯ số 10-TM/PC ngày 4-8-1994 hướng dẫn thực hiện Quy chế đặt Văn phòng Đại diện doanh nghiệp Việt Nam ở nước ngoài.

Thực hiện Điều 20 Quy chế đặt Văn phòng Đại diện doanh nghiệp Việt Nam ở nước ngoài ban hành kèm theo Nghị định số 40-CP ngày 19-5-1994 của Chính phủ và sau khi đã trao đổi ý kiến với các cơ quan có liên quan và được Chính phủ thông qua (văn bản số 3921-QHQT ngày 16-7-1994), Bộ Thương mại hướng dẫn cụ thể về một số điểm trong Quy chế để thi hành thống nhất như sau:

1. Về đối tượng được xét cho phép đặt Văn phòng Đại diện ở nước ngoài:

Các doanh nghiệp Việt Nam thuộc mọi thành phần kinh tế, không phân biệt ngành nghề kinh doanh và cấp quản lý, nếu có đủ điều kiện quy định tại Quy chế đều có thể đề nghị xét cho phép đặt Văn phòng Đại diện ở nước ngoài. Cụ thể, các doanh nghiệp Việt Nam nói trên bao gồm:

1.1. Doanh nghiệp Nhà nước;

1.2. Doanh nghiệp được thành lập theo Luật Công ty (Công ty Cổ phần và Công ty Trách nhiệm hữu hạn);

1.3. Doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp tư nhân;

1.4. Doanh nghiệp được thành lập theo loại hình hợp tác xã;

1.5. Doanh nghiệp được thành lập theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

2. Về các điều kiện để doanh nghiệp được cấp giấy phép đặt Văn phòng Đại diện ở nước ngoài:

Các doanh nghiệp nói tại điểm 1 của Thông tư này muốn được cấp giấy phép đặt Văn phòng Đại diện ở nước ngoài phải có đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 5 Quy chế, cụ thể là:

2.1. Doanh nghiệp đã có giấy phép thành lập của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và đã đăng ký hoạt động theo đúng các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành;

2.2. Doanh nghiệp có nhu cầu đặt Văn phòng Đại diện để thực hiện công tác tiếp thị, thực hiện các hợp đồng thương mại, dịch vụ và/hoặc hợp tác kinh tế, khoa học kỹ thuật với các bạn hàng ở nước tiếp nhận;

2.3. Doanh nghiệp có nguồn kinh phí hợp pháp để thuê trụ sở, mua sắm phương tiện làm việc và bảo đảm cho hoạt động bình thường của Văn phòng Đại diện ở nước tiếp nhận.

3. Về việc đặt Văn phòng Đại diện chung cho nhiều doanh nghiệp và việc thuê người ở nước ngoài làm việc tại Văn phòng Đại diện:

3.1. Trong trường hợp hai hay nhiều doanh nghiệp đủ điều kiện quy định, nhưng các doanh nghiệp này xét thấy việc đặt Văn phòng Đại diện riêng cho một doanh nghiệp của mình sẽ ít hiệu

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com